



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

eu

tu

ele

ela

isto
ele, ela

nós

vós

eles

O quê

Quem

Onde

Porquê

Como

Qual

Quando

então

se

mesmo

mas

porque

não

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

isto
isso

aquilo

tudo

ou

e

aqui

ali

esquerda

direita

agora

tarde

manhã
9:00-11:00

noite

manhã
6:00-9:00

tardinha

meio-dia

meia-noite

hora
60 minutos

minuto

segundo
tempo

dia

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

semana

mês

ano

ontem

hoje

amanhã

segunda-feira

terça-feira

quarta-feira

quinta-feira

sexta-feira

sábado

domingo

mulher

homem

amor

namorado

namorada

amigo

beijo

sexo

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

criança

rapariga

rapaz

mamã

papá

mãe

pai

pais

filho

filha

irmã mais nova

irmão mais novo

irmã mais velha

irmão mais velho

marido

esposa

todas

sempre

na verdade

outra vez

já

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

menos

máximo

mais

nada

muito

fora

dentro

longe

perto

abaixo

acima

ao lado

frente

atrás

toda a gente

juntos

outro

primavera

verão

outono

inverno

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

janeiro

fevereiro

março

abril

maio

junho

julho

agosto

setembro

outubro

novembro

dezembro

norte

este

sul

oeste

frequentemente

imediatamente

subitamente

no entanto

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Số

zero

um

dois

três

quatro

cinco

seis

sete

oito

nove

dez

onze

doze

treze

catorze

quinze

dezasseis

dezassete

dezoito

dezanove

vinte

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

vinte e um

vinte e dois

vinte e seis

trinta

trinta e um

trinta e três

trinta e sete

quarenta

quarenta e um

quarenta e quatro

quarenta e oito

cinquenta

cinquenta e um

cinquenta e cinco

cinquenta e nove

sessenta

sessenta e um

sessenta e dois

sessenta e seis

setenta

setenta e um

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

setenta e três

setenta e sete

oitenta

oitenta e um

oitenta e quatro

oitenta e oito

noventa

noventa e um

noventa e cinco

noventa e nove

cem

cento e um

cento e cinco

cento e dez

cento e cinquenta e um

duzentos

duzentos e dois

duzentos e seis

duzentos e vinte

duzentos e sessenta e dois

trezentos

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

trezentos e três

trezentos e sete

trezentos e trinta

trezentos e setenta e três

quatrocentos

quatrocentos e quatro

quatrocentos e oito

quatrocentos e quarenta

quatrocentos e oitenta e
quatro

quinhentos

quinhentos e cinco

quinhentos e nove

quinhentos e cinquenta

quinhentos e noventa e
cinco

seiscentos

seiscentos e um

seiscentos e seis

seiscentos e dezasseis

seiscentos e sessenta

setecentos

setecentos e dois

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

setecentos e sete

setecentos e vinte e sete

setecentos e setenta

oitocentos

oitocentos e três

oitocentos e oito

oitocentos e trinta e oito

oitocentos e oitenta

novecentos

novecentos e quatro

novecentos e nove

novecentos e quarenta e
nove

novecentos e noventa

mil

mil e um

mil e doze

mil duzentos e trinta e
quatro

dois mil

dois mil e dois

dois mil e vinte e três

dois mil trezentos e quarenta
e cinco

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

três mil

três mil e três

quatro mil

quatro mil e quarenta e
cinco

cinco mil

cinco mil seiscentos e
setenta e oito

seis mil

sete mil

sete mil oitocentos e
noventa

oito mil

oito mil novecentos e um

nove mil

nove mil e noventa

dez mil

dez mil e um

vinte mil e vinte

trinta mil e trezentos

quarenta e quatro mil

cem mil

quinhentos mil

um milhão

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

seis milhões

dez milhões

setenta milhões

cem milhões

oitocentos milhões

mil milhões

nove mil milhões

dez mil milhões

vinte mil milhões

cem mil milhões

trezentos mil milhões

um bilião

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Động từ

saber

pensar

vir

colocar

tirar

encontrar
objeto

ouvir

trabalhar

falar

dar
objeto

gostar

ajudar

amar

telefonar

esperar

ficar de pé

sentar

fechar

abrir
porta

perder

ganhar
competição

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

morrer

viver

ligar

apagar

matar

magoar

tocar

ver

beber

comer

andar

encontrar
pessoa

apostar
desporto

beijar

seguir

casar

responder

perguntar

puxar
porta

empurrar
porta

pressionar

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

bater
geralmente

apanhar

lutar

atirar

correr

ler

escrever

consertar

contar

cortar

vender

comprar

pagar

estudar

sonhar

dormir

jogar

celebrar

desfrutar

limpar
geralmente

disparar

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

defender

atacar

roubar

queimar

resgatar

voar

cuspir

dar um pontapé

morder

respirar

cheirar

chorar

cantar

sorrir

rir

crescer

encolher

discutir

partilhar

alimentar

esconder

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhớ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

avisar

nadar

saltar

levantar

escavar

entregar

procurar

praticar

viajar

pintar

abrir
aloquete

trancar

lavar

rezar

cozinhar

vomitar

gritar

citar

imprimir

calcular

ganhar
dinheiro

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Tính từ

novo

velho
objeto

poucos

muitos

errado

correto

mau

bom

feliz

curto

comprido

pequeno

grande

belo

jovem

velho
pessoa

branco

preto

vermelho

azul

verde

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

amarelo

lento

rápido

engraçado

injusto

justo

difícil

fácil

rico

pobre

forte

fraco

seguro
adjetivo

cansado

orgulhoso

satisfeito

doente

saudável

zangado

baixo
diagrama

alto
edifício

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

doce

azedo

suave

duro
objeto

fofo

estúpido

louco

ocupado

alto
pessoa

baixo
pessoa

preocupado

surpreendido

bem-comportado

malvado

esperto

frio

muito quente

laranja
cor

cinzento

castanho

côr-de-rosa

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

aborrecido

pesado

leve

só

esfomeado

sedento

triste

íngreme

plano

estreito

largo

profundo

raso

enorme

sujo

limpo

cheio

vazio

caro

barato

sensual

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

dốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

preguiçoso

corajoso

generoso

molhado

seco

barulhento

tranquilo

ensolarado

chuvoso

nebuloso

nublado

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Thể thao

ginástica

ténis
desporto

corrida

ciclismo

golfe

futebol

basquetebol

natação

mergulho

caminhada

maratona

triatlo

ténis de mesa

halterofilismo

boxe

badminton

patinagem artística

snowboard

esqui

esqui de fundo

hóquei no gelo

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

voleibol

andebol

voleibol de praia

râguebi

críquete

basebol

futebol americano

polo aquático

salto ornamental

surf

vela
desporto

remo

ioga

dança

paraquedismo

xadrez

póquer

bowling

balé

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Động vật

porco

vaca

cavalo

cão

ovelha

macaco
animal

gato

urso

galinha

pato

borboleta

abelha

peixe
animal

aranha

serpente

tigre

rato
animal

coelho

leão

burro

elefante

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

pombo

besouro

mosquito

mosca

formiga

baleia

tubarão

golfinho

caracol

rã

panda

urso polar

lobo

coala

canguru

girafa

raposa

hipopótamo

morcego

corvo

cisne

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

gaivota

coruja

pinguim

papagaio

lagarta

libelinha

lula

polvo

cavalo-marinho

foca

medusa

caranguejo

dinossauro

tartaruga
terrestre

crocodilo

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Quốc gia

Europa

Ásia

América

África

Reino Unido

Espanha

Suíça

Itália

França

Alemanha

Tailândia

Singapura

Rússia

Japão

Israel

Índia

China

Estados Unidos da América

México

Canadá

Chile

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Brasil

Argentina

África do Sul

Nigéria

Marrocos

Líbia

Quênia

Argélia

Egito

Nova Zelândia

Austrália

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Cơ thể

cabeça

nariz

cabelo

boca

orelha

olho

mão

pé

coração

cérebro

pescoço

nádegas

ombro

joelho

perna

braço

barriga

seio

costas

dente

língua

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

lábio

dedo

dedo do pé

estômago

pulmão

fígado

nervo

rim

intestino

testa

queixo

bochecha

barba

polegar

dedo mindinho

dedo anelar

dedo do meio

dedo indicador

unha

calcanhar

coluna vertebral

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

músculo

osso
parte do corpo

esqueleto

costela

vértebra

bexiga

veia

artéria

vagina

esperma

pénis

testículo

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Ngôi nhà

porta
edifício

cozinha

casa de banho
quarto de banho

sala de estar

quarto
casa

jardim

garagem

parede

cave

retrete

escada
edifício

telhado

janela
edifício

faca

chávena

copo
vidro

prato

copo
plástico

caixote do lixo

tigela

secretária
mesa

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

cama

espelho

chuveiro

sofá

fotografia

relógio

mesa

cadeira

vizinho

elevador

varanda

sótão

chaminé

colher de pau

pauzinho

talheres

colher

garfo

concha
cozinha

tacho

panela

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

lâmpada

estante

cortina

colchão

almofada

cobertor

prateleira

gaveta

guarda-roupa

balde

vassoura

balança

cesto de roupa

banheira

toalha de banho

sabão

papel higiênico

toalha

lavatório

escada
jardim

caixa de correio

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

cerca



hàng rào

Thức ăn

ovo

queijo

leite

peixe
comida

carne

osso
comida

óleo

pão

açúcar

chocolate

rebuçado

bolo

água

café

chá

cerveja

vinho

salada

sopa

sobremesa

pequeno-almoço

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

almoço

jantar

piza

gelado

manteiga

iogurte

atum

salmão

presunto

toucinho

salsicha

carne de peru

carne de frango

carne de vaca

carne de porco

carne de cordeiro

abóbora

cogumelo

trufa

alho

alho-porro

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

gengibre

beringela

batata doce

cenoura

pepino

pimenta
piripiri

pimento

cebola

batata

couve-flor

repolho

brócolos

alface

espinafre

bambu
comida

milho

aipo

ervilha

feijão

pera

maçã

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

azeitona

figo

tâmara

coco

amêndoa

avelã

amendoim

banana

manga
fruta

quivi

abacate

ananás

melancia

uva

melão

framboesa

mirtilo

morango

cereja

ameixa

alperce

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

pêssego

limão

toranja

laranja
fruta

tomate

menta

capim-limão

canela

baunilha

sal

pimenta
preta/branca

caril

tabaco

tofu

vinagre

massa

leite de soja

farinha

arroz

aveia

trigo

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

soja

noz

mel

compota

pastilha elástica

panqueca

bolacha

pudim

queque

dónute

bebida energética

sumo de laranja

sumo de maçã

batido de leite

cola
bebida

chocolate quente

cocktail

rum

uísque

vodka

menu

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

marisco

esparguete

sushi

pipoca

batata frita
lanchinho

asas de frango

batata frita
quente

mostarda

maionese

molho de tomate

sandes

cachorro-quente

hambúrguer

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Trường học

livro

biblioteca

trabalho de casa

exame

lição

ciências naturais

história

arte

caneta

lápiz

primeiro

segundo
2.

terceiro

quarto
4.

pesquisa

graduação

campo desportivo

dicionário

semestre

caderno

geometria

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

politica

filosofia

economia

educação física

biologia

matemática

geografia

literatura

química

física

régua

borracha

tesoura

fita-cola

cola
material colante

esferográfica

clipe de papel

três por cento

cem por cento

zero por cento

metro cúbico

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

3%

kẹp giấy

bút bi

mét khối

0%

100%

metro quadrado

milha

metro
100 centímetro

milímetro

centímetro

decímetro

adição

subtração

multiplicação

divisão

área

volume

retângulo

quadrado

triângulo

círculo

litro

mililitro

tonelada

quilograma

grama

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

íman

microscópio

funil

laboratório

palestra

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Thiên nhiên

cinza

fogo

diamante

lua

sol

estrela

planeta

costa

lago

floresta

deserto

monte

rocha

rio

vale

montanha

ilha

oceano

mar

gelo

neve

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

tempestade

chuva

vento

árvore

relva

rosa

flor

metal

solo

lava

carvão

areia

barro

foguetão

satélite

galáxia

asteroide

continente

equador

Polo Sul

Polo Norte

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

riacho

floresta tropical

caverna

cascata

beira

glaciar

terramoto

cratera

vulcão

atmosfera

inundação

nevoeiro

arco-íris

trovão

raio
tempo

trovoada

temperatura

tufão

furacão

nuvem

ramo

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

folha

raiz

tronco

semente

plástico

dióxido de carbono

átomo

ferro

oxigénio

ouro

prata

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Giao thông

automóvel

autocarro

comboio

estação de comboios

paragem de autocarro

avião

navio

camião

bicicleta

motocicleta

táxi

semáforo

parque de estacionamento
área

estrada

bateria
eletricidade

motor

airbag

volante

cinto de segurança

pneu

porta-bagagem

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

bilheteira automática

bilheteira

metro
comboio

comboio de alta velocidade

locomotiva

elétrico

autocarro escolar

mini-autocarro

aeroporto

companhia aérea

helicóptero

primeira classe

classe económica

classe executiva

colete salva-vidas

contentor

submarino

cruzeiro

navio cargueiro

iate

balsa

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

porto

barco salva-vidas

radar

iluminação pública

passeio

posto de combustível

local de construção

passadeira

engarrafamento

autoestrada

tanque

escavadora

trator

atrelado

lambreta

teleférico

ra đa

xuồng cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-móc

máy kéo

xe cáp treo

Thành phố

hospital

escola

casa
edifício

conta

mercado

supermercado

apartamento

universidade

quinta

igreja

restaurante

bar

ginásio

parque

casa de banho
WC

mapa

ambulância

polícia
esquadra

bombeiros

país

subúrbio

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

aldeia

garantia

centro comercial

farmácia

arranha-céu

castelo

embaixada

sinagoga

templo

fábrica

mesquita

câmara municipal

estação de correios

fonte

discoteca

banco

campo de golfe

estádio de futebol

piscina
edifício

campo de ténis

informação turística

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

casino

galeria de arte

museu

parque nacional

lembrança

aquário

escorrega aquático

montanha russa

parque aquático

jardim zoológico

parque infantil

saída de emergência
edifício

alarme de incêndio

extintor

esquadra

estado

região

capital

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Bệnh viện

acidente

paciente

cirurgia

comprimido

febre

tosse

emergências

unidade de cuidados
intensivos

sala de espera

aspirina

comprimido para dormir

data de validade

dose

xarope para a tosse

efeito secundário

insulina

pó

cápsula

vitamina

analgésico

antibiótico

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

bactéria

vírus

ataque cardíaco

diarreia

diabetes

AVC

asma

cancro

gripe

dor de dentes

queimadura de sol

dor de garganta

dor de estômago

infecção

alergia

cãibra

dor de cabeça

seringa

muleta

raio X

aparelho ultrassónico

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quỵ

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

emplastro

cadeira de rodas

gesso

pulso
ritmo

lesão

emergência

concussão

queimadura

fratura

pílula

teste de gravidez

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Nghề nghiệp

médico

enfermeira

polícia
pessoa

presidente

capitão

detetive

piloto

professor
universidade

professor
escola

advogado

secretária
pessoa

assistente

juiz

executivo

cozinheiro

taxista

motorista de autocarro

modelo

artista

primeiro-ministro

farmacêutico

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

bombeiro

dentista

empresário

político

programador

assistente de bordo

cientista

educadora de infância

arquiteto

contabilista

consultor

procurador

gerente

guarda-costas

senhorio

empregado de mesa

segurança

soldado

pescador

empregado da limpeza

canalizador

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

eletricista

agricultor

rececionista

carteiro

caixa
pessoa

cabeleireiro

autor

jornalista

fotógrafo

nadador salvador

cantor

músico

ator

repórter

treinador

árbitro

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Kinh doanh

dinheiro

escritório

stress

seguro
dinheiro

funcionários

departamento

salário

endereço
edifício

carta

número de telefone

endereço
internet

endereço de correio
eletrónico

sítio eletrónico

correio eletrónico

assinatura

perda

lucro

cliente

montante

cartão de crédito

palavra-passe

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

caixa automático

imposto

sala de reuniões

cartão de visita

tecnologias de informação

recursos humanos

departamento jurídico

contabilidade

marketing

vendas

colega

empregador

empregado

nota
informação

apresentação

pasta
papéis

carimbo

projektor

encomenda

selo

envelope

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

navegador

investimento

bolsa de valores

nota
dinheiro

moeda

juros

empréstimo

número de conta

conta bancária

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Thiết bị

telefone

televisão
aparelho

câmara

rádio

ventoinha

ar condicionado

máquina de café

torradeira

aspirador de pó

secador de cabelo

chaleira

máquina de lavar louça

fogão

forno

micro-ondas

frigorífico

máquina de lavar roupa

controlo remoto

auscultador

rato
computador

teclado
computador

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

disco rígido

memória USB

digitalizador

impressora

ecrã

portátil

robô

altifalante

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt